

Số: *19* /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Danh mục các công trình, dự án chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa
năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỶ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Nghị quyết số 62/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Danh mục công trình, dự án có chuyên mục đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt bổ sung Danh mục công trình, dự án chuyên mục đất lúa năm 2018 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2018 và Báo cáo giải trình số 314/BC-UBND ngày 01/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /12/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2019 là 45 dự án/66,35 ha. Cụ thể trên địa bàn từng huyện, thành phố như sau:

1. Tại địa bàn thành phố Phan Rang – Tháp Chàm: 07 dự án/2,86 ha.
2. Tại địa bàn huyện Ninh Hải: 04 dự án/12,78ha.
3. Tại địa bàn huyện Thuận Bắc: 08 dự án/18,15 ha.
4. Tại địa bàn huyện Ninh Phước: 14 dự án/23,48 ha.
5. Tại địa bàn huyện Thuận Nam: không đăng ký danh mục
6. Tại địa bàn huyện Ninh Sơn: 09 dự án/7,26 ha.
7. Tại địa bàn huyện Bác Ái: 03 dự án/1,82 ha.

(Đính kèm Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận).

8. Trong trường hợp cần thiết có phát sinh các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa ngoài danh mục tại Điều 1. UBND tỉnh báo cáo trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, thống nhất để làm cơ sở triển khai thực hiện. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất để xem xét, quyết nghị theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2019 trên địa bàn tỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định pháp luật, báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất tại kỳ họp giữa năm 2019. Việc thực hiện rà soát để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo theo quy định Luật Đất đai và Thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy số 478-TB/TU ngày 15/11/2018, đảm bảo theo tiêu chí có vốn được ghi trong năm kế hoạch của cấp có thẩm quyền đối với dự án sử dụng ngân sách nhà nước, có văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Khoản 6 Điều 67 của Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; đồng thời, đưa ra khỏi danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2019 đối với các dự án chưa có khả năng thực hiện, kéo dài nhiều năm chưa thu hồi đất.

- Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật. Tổ chức công bố công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã để người dân theo dõi, giám sát. Báo cáo tình hình thực hiện tiến độ sử dụng đất đối với các dự án đã giao đất và báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh cuối năm 2019.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ke*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPI. (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh
Nguyễn Đức Thanh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMĐSDH trong khu vực địa bàn thành phố Phan Rang - Tháp Chàm năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQHĐ ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (Đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMĐ	1 vụ	2 vụ	3 vụ
I	Các công trình, dự án bổ sung năm 2019							
1	Khu dân cư Mỹ Phước	Công ty Cổ phần Gia Việt	Mỹ Bình	0,87	0,87		0,87	
2	Dự án Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Blue	Công ty TNHH XD và TM Hoàng Dương	Mỹ Bình	0,25	0,25		0,25	
3	Dự án Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Hoa Thiên Lý	Doanh nghiệp tư nhân TM và DV Hoa Thiên Lý	Mỹ Bình	0,15	0,15		0,15	
4	Dự án Khu dịch vụ, văn hóa ẩm thực Thuận Thảo	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thuận Thảo	Mỹ Bình	0,07	0,07		0,07	
5	Nhà máy cán tôn Kiến Thành	Công ty TNHH TM-XD Kiên Thành	Thành Hải	0,2	0,2		0,2	
6	Trạm bơm tăng áp cấp nước phục vụ sản xuất cho KCN Du Long	Công ty CP cấp nước Ninh Thuận	Phước Mỹ	0,95	0,95		0,95	
7	Dự án Vườn ươm chuyên giao con giống và các công trình phụ trợ - Truecoop	Hợp tác xã điều hữu cơ Truecoop	Phước Mỹ	0,37	0,37		0,37	
Cộng I				2,86	2,86		2,86	
II	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019							
1	Khu dân cư	Công ty TNHH MTV Chí Linh	Thành Hải	0,70	0,70		0,70	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMD	1 vụ	2 vụ	3 vụ
2	Khu đô thị mới Đông Nam 2	Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận	Mỹ Hải, Tân Tạo	40,96	9,53	-	9,53	-
Cộng II				41,66	10,23	-	10,23	-
Tổng cộng I + II				44,52	13,09	-	13,09	-

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMBSDE trở ng lúa tại địa bàn huyện Ninh Hải năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HĐND ngày: 14 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMĐ	1 vụ	2 vụ	3 vụ
I Các công trình, dự án bổ sung năm 2019								
1	Trụ sở làm việc Bảo hiểm xã hội huyện Ninh Hải	Bảo hiểm Ninh Thuận	Thị trấn Khánh Hải	0,23	0,23		0,23	
2	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn – Phước Nhơn	Ban QLDA Đ XD các công trình NN và PTNT	Huyện Ninh Hải	19,00	9,50		9,50	
3	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Nhơn Sơn – Thành Hải	Ban QLDA Đ XD các công trình NN và PTNT	Huyện Ninh Hải	5,60	2,80		2,80	
4	Trụ sở làm việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải	Viện kiểm sát nhân dân tỉnh	Thị trấn Khánh Hải	0,25	0,25		0,25	
Cộng I				25,08	12,78	-	12,78	-
II Các công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019								
1	Khu dân cư phân lô An Nhơn	UBND huyện	xã Xuân Hải	6,19	6,19			6,19
Cộng II				6,19	6,19	-	-	6,19
Tổng cộng I + II				31,27	18,97	-	12,78	6,19

Handwritten signature/initials

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMĐSDĐ trồng lúa tại địa bàn huyện Thuận Bắc năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐND ngày: 14 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)		
					Tổng diện tích đất phải CMD	1 vụ	2 vụ
I	Các công trình, dự án bổ sung năm 2019						
1	Nhà máy điện gió Đầm Nại 4	Công ty CP Điện gió Đầm Nại	Xã Bắc Sơn và Bắc Phong	9,60	9,60		9,60
2	Trụ sở UBND xã Lợi Hải	UBND huyện	Xã Lợi Hải	1,64	1,64	1,64	
3	Dự án phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn - Phước Nhơn	BQL DA đầu tư xây dựng huyện	Xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Sơn, Bắc Phong	3,28	0,76		0,76
4	Hệ thống thủy lợi trạm bơm khu đất khai hoang bãi vật liệu hồ Bà Râu	UBND huyện	Xã Lợi Hải	1,84	1,00	1,00	
5	Hạ tầng kỹ thuật vào khu sản xuất Măng Tây xanh	UBND huyện	Xã Lợi Hải	2,71	2,71	2,71	
6	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp	Sở Tài nguyên và Môi trường	xã Bắc Sơn	30,00	0,20		0,20
7	Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất	UBND huyện	xã Bắc Phong	1,54	1,54		1,54
8	Chợ Công Hải (thôn Hiệp Kiệt)	Công ty TNHH ĐT KD Bất động sản Phú Thịnh	Xã Công Hải	0,70	0,70	0,70	
Cộng 1				51,31	18,15	6,05	12,10
II	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019						
1	Nhà máy điện gió Công Hải	BQL dự án Trung tâm điện lực Ô Môn	Xã Công Hải	12,00	4,00		4,00

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMBĐ	1 vụ	2 vụ	3 vụ
2	Nhà máy điện gió Lợi Hải	Công ty CP Điện gió Thuận Bình	Xã Công Hải	6,76	2,50		2,50	
3	Nhà máy điện mặt trời Trung Nam	Công ty CP điện mặt trời Trung Nam	Xã Lợi Hải, Bắc Phong	137,00	5,70	5,70		
4	Nhà máy điện gió Trung Nam	Công ty CP điện gió Trung Nam	Xã Lợi Hải, Bắc Phong	35,10	4,75	4,75		
5	Dự án Nhà máy điện năng lượng mặt trời Xuân Thiện (giai đoạn 1 và 2)	Công ty CP Xuân Thiện Ninh Thuận; Công ty CP Xuân Thiện Thuận Bắc	Xã Bắc Phong	256,40	3,20	3,20		
6	Hồ sinh thái Kiên Kiên	Ban quản lý ĐAĐTĐ các CT NNPTNT	Xã Lợi Hải	93,00	5,00	5,00		
7	Mở rộng các khu dân cư xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn	UBND huyện	Xã Công Hải, Lợi Hải, Bắc Phong, Bắc Sơn	0,60	0,60	0,60		
8	Xây dựng kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư Bà Râu	Ban QLDA ĐTXĐ các công trình NN và PTNT	Lợi Hải	2,77	0,13		0,13	
Cộng II					543,63	25,88	19,25	6,63
Tổng cộng I + II					594,94	44,03	25,30	18,73

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMDSDĐ trồng lúa tại địa bàn huyện Thuận Nam năm 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 19/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMDĐ	1 vụ	2 vụ	3 vụ
I	Các công trình, dự án bổ sung năm 2019 (Không đăng ký bổ sung)							
II	Các công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019 (không có)							
1	Hệ thống kênh cấp 2, 3 và nâng cấp tuyến đường quản lý hồ Sông Biều	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Nhị Hà, Phước Hà, Phước Nam	12,26	1,85		1,85	
2	Khu dân cư	UBND huyện Thuận Nam	xã Phước Nam	10,00	4,01		4,01	
Tổng cộng				22,26	5,86	-	5,86	-

DANH MỤC THUỘC THẨM QUYỀN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Các công trình, dự án CMDSDĐ trồng lúa, đất rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận năm 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐND ngày 14 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (Đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMDĐ	Đất lúa	Đất rừng	Đất khác
1	Khu Công viên trung tâm thành phố	BQLDA ĐTXD các công trình DD và công nghiệp tỉnh	Phường Mỹ Bình, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	71,80	71,80	12,28		59,52
2	Khu đô thị mới Đông Nam 1	Công ty CP Thành Đông Ninh Thuận	Hải Hải, Tân Tài, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	98,03	98,03	24,89		73,14
3	Nhà máy điện gió Hanbaram	Công ty TNHH Land Ville Energy - Hàn Quốc	Xã Bắc Phong, Lợi Hải, huyện Thuận Bắc	25,00	25,00	12,50		12,50
4	Khu dân cư phía Nam cầu Phú Quý (giai đoạn 2)	Kêu gọi đầu tư	TT Phước Dân, huyện Ninh Phước	18,00	18,00	18,00		
5	Xây dựng khu dân cư Khu phố 5 (Đắc Sông Ông)	Kêu gọi đầu tư	TT Tân Sơn, huyện Ninh Sơn	19,50	19,50	19,50		
6	Hồ chứa nước Sông Than	BQLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Hòa Sơn và Ma Nới, huyện Ninh Sơn	779,17	779,17	0,65	375,07	403,45
7	Thu trữ nước dưới đất để phát triển nông lâm nghiệp	Sở Tài nguyên và Môi trường	xã Bắc Sơn, huyện Thuận Bắc	30,00		0,20	8,00	21,80
8	Hồ sinh thái Kiên Kiên	BQL DA ĐTXD các CT NNPTNT	Xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc	93,00	93,00	5,00	8,10	79,90
Tổng cộng				1.134,50	1.104,50	93,02	391,17	550,3*

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMĐSDĐ trồng lúa tại địa bàn huyện Ninh Phước năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 13 /NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMĐ	1 vụ	2 vụ	3 vụ
1	Công trình, dự án bổ sung năm 2019							
1	Đường dây điện 110kV và Trạm cắt (thuộc Nhà máy điện mặt trời BP Solar)	Công ty Cổ phần Bắc Phương	Phước Hữu	2,5	0,28	0,28		
2	Đường dây điện 110kV và Trạm cắt (Nhà máy điện mặt trời kết hợp nông nghiệp công nghệ cao Sinenrgy NT I)	Công ty TNHH Sinenrgy Holdings	Phước Hữu	1,73	0,01	0,01		
3	Đường dây điện 110kV đầu nối (dự án Nhà máy điện mặt trời Phước Hữu-Điện Lực 1)	Liên doanh Công ty CP Điện lực KV 1 và Công Ty TNHH Đại Hoàng Hà	Phước Hữu	0,11	0,01	0,01		
4	Đường dây điện 110 Kv và mở rộng ngân xuất tuyến tại Trạm 110kV Ninh Phước	Công ty CP đầu tư xây dựng Vịnh Nha Trang	Phước Hữu	0,30	0,06		0,06	
5	Đường dây điện 220 kV đầu nối từ Ninh Phước đi Vĩnh Tân	Công ty CP đầu tư xây dựng Vịnh Nha Trang	Phước Hữu	0,55	0,09		0,09	
6	Đường dây 220kV đầu nối Nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt	Công ty CP Điện mặt trời Mỹ Sơn - Hoàn Lộc Việt	Phước Vĩnh	0,03	0,01		0,01	
7	Trạm biến áp 220kV Ninh Phước và đường dây đầu nối	Ban quản lý dự án các công trình điện Miền Trung	Ninh Phước	5,00	4,50		0,45	

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CMB			
						1 vụ	2 vụ	3 vụ
8	Kiến cố hóa kênh mương cấp 2, 3 hồ chứa nước Tân Giang	Ban QLDAĐTXD các công trình NN và PTNT	Phước Hữu	3,00	3,00	3,00		
9	Cải tạo và nâng cấp hệ thống kênh mương cấp 2 của kênh Châm thuộc dự án cải tạo và nâng cấp kênh chàm và đê bao gian	Ban QLDA PTNT tổng hợp các tỉnh miền Trung - Khu vực và hải đảo	Phước Vĩnh, Phước Thái, Phước Sơn	2,45	0,08	0,08		
10	Kiến cố hóa kênh mương cấp 2, 3 hồ chứa nước Tà Ranh	Ban QLDAĐTXD các công trình NN và PTNT	Phước Thái	2,00	2,00	2,00		
11	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất ở	Hộ gia đình, cá nhân	An Hải, Phước Hải, Phước Hậu, Phước Thái, Phước Vĩnh, Phước Thái, Phước Hữu và Phước Dân	1,81	1,81	1,81		
12	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ	Hộ gia đình, cá nhân,	Phước Thuận, Phước Hữu, Phước Dân, An Hải	8,4	8,40	8,40		
13	Chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác và đất trồng cây lâu năm	Hộ gia đình, cá nhân,	Phước Thuận, Phước Dân	2,89	2,89	2,89		
14	Cửa hàng xăng dầu Ngọc Long	Công ty TNHH xăng dầu Ngọc Long Ninh Thuận	Phước Hữu	0,34	0,34	0,34		
Cộng 1				31,11	23,48	0,30	19,13	
II	Các công trình, dự án chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019							
1	Nhà máy điện gió Phước Hữu và các hạng mục (Trạm tăng áp)	Công ty TNHH Dầu từ PT điện gió Phước Hữu	xã Phước Hữu	10,80	9,10	9,10		
2	Hệ thống kênh cấp II, III hồ Lanh Ra	Ban QLDAĐTXD các công trình NN và PTNT	xã Phước Vĩnh, Phước Sơn, Phước Hữu	11,64	0,87	0,87		

Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)				
				Tổng diện tích đất phải CMB	1 vụ	2 vụ	3 vụ	
3	Kiên cố kênh mương T8 cũ	Ban quản lý các CHTT huyện	Xã An Hải	0,68	0,20		0,20	
4	Dự án Nhà máy điện gió Phước Hữu - Duyên Hải I	Công ty TNHH Hưng Tín	Xã Phước Hữu	9,50	7,83		7,83	
5	Chợ Bình Quý	Công ty TNHH ĐTKD BĐS Phú Thịnh	Thị trấn Phước Dân	0,19	0,19		0,19	
6	Điểm quy hoạch các khu dân cư	UBND các xã: Phước Thuận, Phước Vinh, Phước Thái, Phước Hữu và Thị trấn Phước Dân	Xã Phước Thuận, Phước Vinh, Phước Thái, Phước Hữu và Thị trấn Phước Dân	4,07	4,07		4,07	
7	Các khu quy hoạch sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ	Hộ gia đình, cá nhân	Phước Thuận, An Hải và TT Phước Dân	0,92	0,92		0,92	
8	Chuyển mục đích đất lúa sang đất ở tại các xã Phước Vinh, Phước Thái, TT. Phước Dân, An Hải, Phước Hải, Phước Hữu, Phước Hậu, Phước Thuận	Hộ gia đình, cá nhân	Phước Vinh, Phước Thái, TT. Phước Dân, An Hải, Phước Hải, Phước Hữu, Phước Hậu, Phước Thuận	1,74	1,74	0,06	1,68	
Cộng II				39,54	24,92	0,06	24,86	-
Tổng cộng (I+II)				70,65	48,40	0,36	43,99	

K

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình, dự án CMĐSDĐ trồng lúa tại địa bàn huyện Ninh Sơn năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HDND ngày 11/2/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)		
					Tổng diện tích đất phải CMĐ	1 vụ	2 vụ
1	Các công trình, dự án bổ sung năm 2019						
1	Mở rộng đường Nan Sa Kai và đường vào vùng lồi	UBND huyện	Xã Nhơn Sơn	0,93	0,03		0,03
2	Đường dân sinh thuộc dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Mỹ Sơn	1,12	0,04		0,04
3	Nâng cấp tuyến đường Hà Huy Tập	UBND huyện	TT Tân Sơn	1,30	0,72		0,72
4	Đường dây 22 kv đầu nối cấp điện thi công nhà máy điện mặt trời Mỹ Sơn	Công ty CP Điện mặt trời Mỹ Sơn - Hoàn Lược Việt	Mỹ Sơn	0,17	0,03		0,03
5	Đường dây 22 kv đầu nối nhà máy thủy điện Thượng Sông Ông L	Công ty CP ĐTXD Hoàng Sơn Ninh Thuận	Xã Lương Sơn, TT Tân Sơn	0,10	0,06		0,06
6	Xây dựng đường nội đồng thôn Mỹ Hiệp	UBND huyện	Mỹ Sơn	0,35	0,35		0,35
7	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Lâm Sơn, Lương Sơn, Mỹ Sơn, Nhơn Sơn	100,00	2,78		2,78
8	Hệ thống kênh chính Tân Mỹ (giai đoạn 3)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mỹ Sơn, Nhơn Sơn	19,53	2,87		2,87
9	Xây dựng chợ mới xã Nhơn Sơn	UBND huyện	Xã Nhơn Sơn	0,52	0,38		0,38
Cộng 1				124,02	7,26		7,26

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)			
					Tổng diện tích đất phải CME	1 vụ	2 vụ	3 vụ
II Công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019								
1	Thủy điện Mỹ Sơn	Công ty CP thủy điện Mỹ Sơn	Mỹ Sơn	129,40	4,06		4,06	
2	Thủy điện thượng Sông Ông L	Công ty CP ĐTXD Hoàng Sơn Ninh Thuận	Xã Lâm Sơn, Lương Sơn	7,01	2,84		2,84	
3	Hồ chứa nước Sông Than	BQLĐA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Hòa Sơn	923,00	0,65		0,65	
Cộng II				1.059,41	7,55	-	7,55	-
Tổng cộng I + II				1.183,43	14,21	-	14,81	-

Handwritten signature or mark

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC BỔ SUNG

Các công trình dự án CMĐSDĐ trồng lúa tại địa bàn huyện Bắc Ái năm 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 19 /NQ-HĐND ngày: 14 /12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Diện tích đất thực hiện dự án	Loại đất (đơn vị tính ha)				
					Tổng diện tích đất phải CMD	1 vụ	2 vụ	3 vụ	
I Các công trình, dự án bổ sung năm 2019									
1	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (GPMB đoạn kênh từ K11+851 đến K21+827)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Phước Trung	25,66	1,04	1,04			
2	Cửa hàng xăng dầu (Hoàng Khánh Vi)	Công ty TNHH Hoàng Khánh Vi	Xã Phước Trung	0,06	0,06	0,06			
3	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn - Phước Nhơn	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Huyện Bắc Ái	3,65	0,72	0,72			
Cộng I					29,37	1,82	1,82	-	-
II Các công trình chuyển tiếp từ năm 2018 sang tiếp tục thực hiện năm 2019 (không có)									
1	Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ (Hạng mục kênh và công trình đầu mối)	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Phước Trung	30,00	1,09		1,09		
2	Điện mặt trời Thiên Tân	Công ty CP ĐTXD Thiên Tân	xã Phước Trung	116,0	4,0	4,0			
Cộng II					146,0	5,1	4,0		
Tổng cộng I + II					175,37	6,91	5,82		